

Đơn vị: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Mã chương: 417
Mã QHNS: 1096687
Mã KBNN nơi giao dịch: 0061

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày / /2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Mã loại	Tổng dự toán được giao tại Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 03/02/2026	Chi tiết phân bổ					
				Tổng cộng	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Ứng dụng khoa học công nghệ Hải Phòng	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông Hải Phòng	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng
A	B	C	I	2=3+4+5+6+7	3	4	5	6	7
A	TỔNG DỰ TOÁN THU								
B	TỔNG DỰ TOÁN CHI NSNN		2.041.200.000	2.041.200.000	1.101.600.000	183.600.000	205.200.000	356.400.000	194.400.000
I	Chi hoạt động của Cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể	340	1.285.200.000	1.285.200.000	1.101.600.000	183.600.000	-	-	-
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		1.285.200.000	1.285.200.000	1.101.600.000	183.600.000	-	-	-
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố (đợt 2)		1.285.200.000	1.285.200.000	1.101.600.000	183.600.000			
II	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	100	756.000.000	756.000.000	-	-	205.200.000	356.400.000	194.400.000
1	Chi hoạt động thường xuyên		756.000.000	756.000.000	-	-	205.200.000	356.400.000	194.400.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		756.000.000	756.000.000	-	-	205.200.000	356.400.000	194.400.000
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố (đợt 2)		756.000.000	756.000.000			205.200.000	356.400.000	194.400.000
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch				0061	0061	0061	0061	0061
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN				1048865	1052248	1160571	1099165	1109467